TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:509/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 11 - 2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyến;
2. Ông Nguyễn Thế Tự.

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXXST-HN, ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐST-HN, ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Dương Thị T**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Dương Thị T (sau đây gọi chị T) trình bày: giữa chị và bị đơn Nguyễn Văn Tr (sau đây gọi anh Tr) qua sự giới thiệu của người thân mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr không còn yêu thương vợ, con như lúc ban đầu, anh Tr

có thói quen cờ bạc, đi nhậu về hay đánh đập chị, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, mỗi người mỗi ý, từ đó vợ chồng luôn cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh Tr.

-Về con chung: có hai người con chung tên Nguyễn Thị Hồng N (nữ), sinh ngày 31 tháng 3 năm 1999 và cháu Nguyễn Dương Ngọc G (nam), sinh ngày 15 tháng 02 năm 2004, từ khi ly thân đến nay hai con chung, sống với chị T, nay ly hôn: có một người con đã trưởng thành, cháu còn lại chị yêu cầu được nuôi dưỡng chưa yêu cầu anh Tr cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn Tr vắng mặt nên không có lời trình bày;

Tại bản tự khai ngày 04.7.2019, cháu Nguyễn Dương Ngọc G trình bày (có sự chứng kiến của chị T): khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu hoàn toàn đồng ý với quyết định của cha, mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng, Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng; bị đơn chưa phải cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Văn Tr được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh Tr.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Tr qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 9 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: chị và anh Tr trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng vợ chồng không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân từ năm 2015; xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo điều kiện để anh, chị được hòa giải đoàn tụ nhưng anh Tr không có mặt, điều đó chứng minh, anh Tr cũng không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tr và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: anh, chị có hai người con chung, có một người con đã đủ tuổi trưởng thành, còn cháu Nguyễn Dương Ngọc G, không ai tranh chấp về quyền nuôi con, xét cháu G được sống với chị T từ khi ly thân đến nay, chị T cũng có yêu cầu nuôi cháu, nguyện vọng của cháu là đồng ý theo sự quyết định của cha, mẹ cháu, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu G cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị T, anh Tr có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Tr mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn Tr.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Dương Ngọc G (nam), sinh ngày 15 tháng 02 năm 2004 cho chị Dương Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi hoặc khi anh Tr, chị T có yêu cầu khác.

Anh Nguyễn Văn Tr chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Tr mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Dương Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021969, ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
-UBND xã H, h.P; t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm